



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2020 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2022: 11.000.000.000 đồng.

Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi - Thành phố Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: (84) 252 3816 118
- Fax: (84) 252 3817 595
- Website: [www.stbbt.com.vn](http://www.stbbt.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 35 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                         |            |                              |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Văn Hưng     | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 28/05/2020     |
| • Ông Nguyễn Văn So     | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |
| • Ông Vũ Bùi Biển       | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/05/2020     |
| • Ông Nguyễn Minh Hà    | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |
| • Ông Nguyễn Khoa Tuyển | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |

### Ban kiểm soát

- |                       |            |                              |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Đỗ Huy Kiên     | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 28/05/2020     |
| • Ông Lê Trung Nhân   | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |
| • Ông Vương Trí Thịnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/05/2020     |

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                         |                |                              |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Minh Hà    | Giám đốc       | Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |
| • Ông Trần Hữu Sơn      | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 01/10/2020     |
| • Ông Nguyễn Khoa Tuyển | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc  
Giám đốc



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 14 tháng 03 năm 2023



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 289/2023/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 14/03/2023 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

**Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2023

**Đỗ Thị Phụng Thủy – Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2019-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.977.359.074</b>	<b>20.061.605.935</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.312.073.641	4.351.087.513
1. Tiền	111		4.312.073.641	2.351.087.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.700.000.000	2.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	11.700.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.675.391.801	6.199.071.486
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.209.605.889	5.778.468.238
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	103.345.096	179.550.178
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	55.714.996
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	816.598.083	373.306.475
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(454.157.267)	(187.968.401)
IV. Hàng tồn kho	140	11	4.289.893.632	7.511.446.936
1. Hàng tồn kho	141		4.438.558.182	7.701.363.977
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(148.664.550)	(189.917.041)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.183.244.158</b>	<b>1.086.873.383</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		455.324.158	513.004.583
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	455.324.158	513.004.583
- Nguyên giá	222		3.479.933.936	3.437.883.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.024.609.778)	(2.924.879.353)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.000.000)	(83.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	-	-
- Nguyên giá	231		210.725.800	210.725.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(210.725.800)	(210.725.800)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		727.920.000	573.868.800
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	727.920.000	727.920.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(154.051.200)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>25.160.603.232</b>	<b>21.148.479.318</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.263.703.588</b>	<b>6.803.691.639</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.263.703.588</b>	<b>6.803.691.639</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	4.605.488.320	4.532.203.688
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	422.204.426	116.472.621
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	496.261.113	183.670.630
4. Phải trả người lao động	314		2.490.439.951	1.252.074.553
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.359.223.363	45.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	85.900.000	22.989.933
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	324.805.730	342.630.720
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		479.380.685	308.649.494
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>14.896.899.644</b>	<b>14.344.787.679</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>14.896.899.644</b>	<b>14.344.787.679</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	2.102.380.161	1.779.123.163
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	1.682.109.472	1.453.254.505
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		133.254.505	139.224.913
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.548.854.967	1.314.029.592
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>25.160.603.232</b>	<b>21.148.479.318</b>



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	102.602.057.438	73.061.092.365
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.580.256.272	4.366.302.757
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		101.021.801.166	68.694.789.608
4. Giá vốn hàng bán	11	25	86.049.365.017	58.830.612.408
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>14.972.436.149</u>	<u>9.864.177.200</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	610.776.962	355.203.693
7. Chi phí tài chính	22	27	104.067.542	402.546.688
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.169.000	26.007.838
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	9.576.050.461	5.987.471.560
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	3.394.613.020	1.936.587.002
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>2.508.482.088</u>	<u>1.892.775.643</u>
11. Thu nhập khác	31	29	97.913.022	9.333.267
12. Chi phí khác	32		146.390	44.480
13. Lợi nhuận khác	40		<u>97.766.632</u>	<u>9.288.787</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>2.606.248.720</u>	<u>1.902.064.430</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	541.108.764	382.955.838
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>2.065.139.956</u>	<u>1.519.108.592</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.502	1.222
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.502	1.222



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		103.896.395.320	66.550.384.292
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(87.993.675.993)	(63.159.639.760)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.635.669.937)	(3.924.202.660)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	27	(13.169.000)	(26.007.838)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(473.270.816)	(352.003.280)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.289.429.198	2.454.358.913
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.404.644.004)	(2.565.320.912)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.665.394.768</b>	<b>(1.022.431.245)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(42.050.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.200.000.000)	(2.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		3.521.714.996	6.092.413.322
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,26	133.751.354	232.474.255
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(9.586.583.650)</b>	<b>4.324.887.577</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	122.175.010	1.181.231.660
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(140.000.000)	(1.160.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.117.824.990)</b>	<b>(1.078.768.340)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(39.013.872)</b>	<b>2.223.687.992</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	4.351.087.513	2.127.399.521
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>4.312.073.641</b>	<b>4.351.087.513</b>



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2020 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản đầu tư tài chính

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

##### *Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác*

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### *Dự phòng*

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bán lẻ với giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	Hết khấu hao

### 4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	Hết khấu hao

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.10 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến các luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### 4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### 4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%. Ngoài ra, từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty được giảm 2% thuế suất thuế GTGT đối với một số mặt hàng được quy định tại Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc Hội
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.19 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	40.962.000	38.321.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.271.111.641	2.312.766.513
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.312.073.641</b>	<b>4.351.087.513</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Đầu tư tài chính

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	11.700.000.000	11.700.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.700.000.000</b>	<b>11.700.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tồn thất về giá trị.

#### b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022				01/01/2022			
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số phiếu cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương (i)	Đang hoạt động	3%	30.000	300.000.000	-	-	-	-
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (BMD)(ii)	Đang hoạt động	1,55%	42.792	427.920.000	-	646.159.200	(154.051.200)	273.868.800
<b>Cộng</b>				<b>727.920.000</b>	<b>-</b>	<b>646.159.200</b>	<b>(154.051.200)</b>	<b>273.868.800</b>

(i) Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Sách TBGD Bình Dương có vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích dự phòng.

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (mã chứng khoán BMD) được xác định căn cứ theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày giao dịch cuối cùng của năm 2022.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
Trường PTDT Nội trú Bình Thuận	453.559.600	15.862.002
Trường THCS Phan Bội Châu (Đức Linh)	382.753.200	111.643
Các đối tượng khác	2.373.293.089	5.762.494.593
<b>Cộng</b>	<b>3.209.605.889</b>	<b>5.778.468.238</b>

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Education Solution Việt Nam	99.340.760	-
Các đối tượng khác	4.004.336	179.550.178
<b>Cộng</b>	<b>103.345.096</b>	<b>179.550.178</b>

### 9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	125.810.959	-	19.260.274	-
Tạm ứng	9.372.000	-	7.880.000	-
Ký quỹ, ký cược	558.478.060	-	346.166.201	-
Phải thu khác	122.937.064	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>816.598.083</b>	<b>-</b>	<b>373.306.475</b>	<b>-</b>

### 10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022	01/01/2022
Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn	454.157.267	187.968.401
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	954.975	7.373.116
- Từ 1 năm đến 2 năm	2.039.251	91.675.883
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	55.390.673	35.842.486
- Từ 3 năm trở lên	395.772.368	53.076.916
<b>Cộng</b>	<b>454.157.267</b>	<b>187.968.401</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 11. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	4.438.558.182	(148.664.550)	7.701.363.977	(189.917.041)
<b>Cộng</b>	<b>4.438.558.182</b>	<b>(148.664.550)</b>	<b>7.701.363.977</b>	<b>(189.917.041)</b>

- Giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2022 là 148.664.550 đồng. Hiện nay Công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2022.

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	1.984.596.285	1.082.872.651	370.415.000	3.437.883.936
Mua sắm trong kỳ	-	-	42.050.000	42.050.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.984.596.285</b>	<b>1.082.872.651</b>	<b>412.465.000</b>	<b>3.479.933.936</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	1.534.820.281	1.024.271.572	365.787.500	2.924.879.353
Khấu hao trong kỳ	29.493.510	58.601.079	11.635.836	99.730.425
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.564.313.791</b>	<b>1.082.872.651</b>	<b>377.423.336</b>	<b>3.024.609.778</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	449.776.004	58.601.079	4.627.500	513.004.583
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>420.282.494</b>	<b>-</b>	<b>35.041.664</b>	<b>455.324.158</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 2.553.078.752 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2022.

### 13. Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính có nguyên giá 83.000.000 đồng, đã khấu hao hết.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.725.800</b>	<b>210.725.800</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.725.800</b>	<b>210.725.800</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	-	-
Số đánh cuối kỳ	-	-

- Bất động sản là nhà cho thuê tại 13 Nguyễn Du có nguyên giá 210.725.800 đồng, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022.
- Không có bất động sản đầu tư đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2022.

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	972.815.588	1.838.199.310
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP.HCM	1.051.536.168	198.319.649
Các đối tượng khác	2.581.136.564	2.495.684.729
<b>Cộng</b>	<b>4.605.488.320</b>	<b>4.532.203.688</b>

#### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	972.815.588	1.838.199.310
<b>Cộng</b>		<b>972.815.588</b>	<b>1.838.199.310</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Phạm Thị Cúc - PGD Lagi	98.385.824	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Giáo dục Paris	60.000.000	-
Các đối tượng khác	263.818.602	116.472.621
<b>Cộng</b>	<b>422.204.426</b>	<b>116.472.621</b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	59.920.326	668.674.666	462.808.626	265.786.366
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.939.375	541.108.764	473.270.816	124.777.323
Thuế thu nhập cá nhân	66.810.929	230.152.232	191.265.737	105.697.424
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	79.564.151	79.564.151	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>183.670.630</b>	<b>1.524.499.813</b>	<b>1.211.909.330</b>	<b>496.261.113</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí hoa hồng môi giới	1.314.223.363	-
Chi phí phải trả khác	45.000.000	45.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.359.223.363</b>	<b>45.000.000</b>

### 19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
Thù lao HĐQT, BKS phải trả	85.900.000	-
Phải trả khác	-	22.989.933
<b>Cộng</b>	<b>85.900.000</b>	<b>22.989.933</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Cán bộ công nhân viên trong Công ty	342.630.720	122.175.010	140.000.000	324.805.730
<b>Cộng</b>	<b>342.630.720</b>	<b>122.175.010</b>	<b>140.000.000</b>	<b>324.805.730</b>

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	11.000.000.000	112.410.011	1.748.741.163	1.239.224.913	14.100.376.087
Tăng trong kỳ	-	-	30.382.000	1.519.108.592	1.549.490.592
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.305.079.000	1.305.079.000
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>1.779.123.163</b>	<b>1.453.254.505</b>	<b>14.344.787.679</b>
Số dư tại 01/01/2022	11.000.000.000	112.410.011	1.779.123.163	1.453.254.505	14.344.787.679
Tăng trong kỳ	-	-	323.256.998	2.065.139.956	2.388.396.954
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.836.284.989	1.836.284.989
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>2.102.380.161</b>	<b>1.682.109.472</b>	<b>14.896.899.644</b>

#### b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>

#### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2022	Năm 2021
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>1.100.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.453.254.505	1.239.224.913
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	2.065.139.956	1.519.108.592
Phân phối lợi nhuận	1.836.284.989	1.305.079.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	1.320.000.000	1.100.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	220.000.000	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.100.000.000	1.100.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	516.284.989	205.079.000
- Quỹ đầu tư phát triển	103.256.998	30.382.000
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	413.027.991	174.697.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>1.682.109.472</b>	<b>1.453.254.505</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 30/NQ-ĐHCD-2022 ngày 06/04/2022.

(\*\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15/NQ-HDQT-2023 ngày 04/03/2023.

### f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 06/04/2022 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương ứng 1.100.000.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2022.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	VND	Nguyên nhân xóa nợ
DNTN Hoàng Hải	16.250.000	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Quản lý Dự án Kiên Long	43.250.000	Nợ không thu hồi được
Đỗ Đình Nam	52.832.481	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Ngọc	57.791.666	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế ECENTER Phan Thiết	30.000.000	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Mộng Thu	17.563.106	Nợ không thu hồi được
Các đối tượng khác	388.168.687	
<b>Cộng</b>	<b>605.855.940</b>	

### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán sách giáo khoa	71.541.530.351	55.829.701.375
Doanh thu bán sách tham khảo	1.485.534.442	795.523.187
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	16.995.810.979	7.318.527.356
Doanh thu bán hàng hóa khác	12.386.292.674	9.026.431.356
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	192.888.992	90.909.091
<b>Cộng</b>	<b>102.602.057.438</b>	<b>73.061.092.365</b>

### 24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
Hàng bán bị trả lại	1.580.256.272	4.366.302.757
<b>Cộng</b>	<b>1.580.256.272</b>	<b>4.366.302.757</b>

### 25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn sách giáo khoa	64.225.954.489	46.478.985.100
Giá vốn sách tham khảo	911.433.561	513.940.742
Giá vốn thiết bị giáo dục	12.220.002.160	5.427.600.866
Giá vốn hàng hóa khác	8.543.310.257	6.220.168.659
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	148.664.550	189.917.041
<b>Cộng</b>	<b>86.049.365.017</b>	<b>58.830.612.408</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	197.510.039	131.528.356
Chiết khấu thanh toán	370.474.923	150.027.497
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.792.000	73.647.840
<b>Cộng</b>	<b>610.776.962</b>	<b>355.203.693</b>

### 27. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	13.169.000	26.007.838
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm (Hoàn nhập) trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư	244.949.742 (154.051.200)	308.071.650 68.467.200
<b>Cộng</b>	<b>104.067.542</b>	<b>402.546.688</b>

### 28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân công	4.479.289.344	3.301.050.772
Chi phí khấu hao TSCĐ	70.236.921	87.389.772
Chi phí tuyên truyền quảng cáo, môi giới	3.359.469.203	1.481.025.470
Các khoản khác	1.667.054.993	1.118.005.546
<b>Cộng</b>	<b>9.576.050.461</b>	<b>5.987.471.560</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân công	1.866.420.469	1.303.100.073
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	196.313.231	84.465.474
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.493.504	29.493.504
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	438.271.637	104.928.673
Các khoản khác	864.114.179	414.599.278
<b>Cộng</b>	<b>3.394.613.020</b>	<b>1.936.587.002</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 29. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
Thưởng sản lượng	91.982.185	-
Thu nhập khác	5.930.837	9.333.267
<b>Cộng</b>	<b>97.913.022</b>	<b>9.333.267</b>

### 30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.606.248.720	1.902.064.430
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	99.295.100	12.714.757
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	142.087.100	86.362.597
- Điều chỉnh giảm (cổ tức và lợi nhuận được chia)	42.792.000	73.647.840
Tổng thu nhập chịu thuế	2.705.543.820	1.914.779.187
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>541.108.764</b>	<b>382.955.838</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	541.108.764	382.955.838

### 31. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.065.139.956	1.519.108.592
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(413.027.991)	(174.697.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	413.027.991	174.697.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.652.111.965	1.344.411.592
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.502</b>	<b>1.222</b>

### 32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân công	6.345.709.813	4.604.150.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.730.425	116.883.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.064.796.679	1.144.322.436
Chi phí khác bằng tiền	3.022.154.927	1.953.773.332
<b>Cộng</b>	<b>12.532.391.844</b>	<b>7.819.129.889</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

### 34. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Công ty thường vay cán bộ công nhân viên khi cần bổ sung vốn lưu động hoặc vay ngắn hạn ngân hàng. Đây là những khoản vay với lãi suất thỏa thuận, ổn định và được xác định tại thời điểm nhận nợ. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro biến động về giá cả, công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

##### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.
- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.605.488.320	-	4.605.488.320
Chi phí phải trả	1.359.223.363	-	1.359.223.363
Vay và nợ thuê tài chính	324.805.730	-	324.805.730
Phải trả khác	85.900.000	-	85.900.000
<b>Cộng</b>	<b>6.375.417.413</b>	<b>-</b>	<b>6.375.417.413</b>

  

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.532.203.688	-	4.532.203.688
Chi phí phải trả	45.000.000	-	45.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	342.630.720	-	342.630.720
<b>Cộng</b>	<b>4.919.834.408</b>	<b>-</b>	<b>4.919.834.408</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.312.073.641	-	4.312.073.641
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.700.000.000	-	11.700.000.000
Phải thu khách hàng	2.755.448.622	-	2.755.448.622
Phải thu khác	807.226.083	-	807.226.083
<b>Cộng</b>	<b>19.574.748.346</b>	<b>727.920.000</b>	<b>20.302.668.346</b>

  

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.351.087.513	-	4.351.087.513
Đầu tư tài chính	-	573.868.800	573.868.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	5.640.385.467	-	5.640.385.467
Phải thu về cho vay	5.829.366	-	5.829.366
Phải thu khác	365.426.475	-	365.426.475
<b>Cộng</b>	<b>12.362.728.821</b>	<b>573.868.800</b>	<b>12.936.597.621</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 35. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư

#### b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch		Năm 2022	Năm 2021
<b>Mua hàng</b>			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách các loại, thiết bị trường học	41.385.807.159	31.985.449.650
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách các loại	15.565.309.149	13.485.227.049

#### c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Nội dung	Năm 2022	Năm 2021
Ông Trần Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	32.891.566	23.432.400
Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên HĐQT	Thù lao	26.313.253	19.229.000
	Giám đốc	Lương, thưởng	290.530.100	136.896.900
Ông Nguyễn Văn So	Thành viên HĐQT	Thù lao	26.313.253	18.746.100
Ông Vũ Bùi Biển	Thành viên HĐQT	Thù lao	26.313.253	18.746.100
Ông Nguyễn Khoa Tuyển	Thành viên HĐQT	Thù lao	26.313.253	19.229.000
	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	255.246.700	131.805.500
Ông Trần Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	245.945.600	103.084.700
Ông Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban kiểm soát	Thù lao	17.542.169	8.000.000
Ông Lê Trung Nhân	Thành viên BKS	Thù lao	13.156.627	7.200.000
Ông Vương Trí Thịnh	Thành viên BKS	Thù lao	13.156.627	7.200.000

### 36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đã có thông báo chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức năm 2022 (tỷ lệ 11%) vào ngày 01/02/2023. Dự kiến chi trả vào ngày 16/02/2023.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 37. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.



Giám đốc

Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyển

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyển

